TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 42

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 10,209 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 11 **B.** 10 **C.** 10,2 **D.** 12

Câu 2. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 56,81 …… 56,71

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. Có 89,4 l nước mắm rót đều vào 5 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 178,8 l **B.** 17,88 l **C.** 84,4 l **D.** 17,98 l

Câu 4. 29,17 × 0,01 = ……

A. 0,2917 **B.** 2,917 **C.** 29 170 **D.** 291,7

Câu 5. 5 m 60 cm = …… m

A. 50,6 **B.** 5,06 **C.** 11 **D.** 5,6

Câu 6. Hình tròn có đường kính 10 cm. Chu vi hình tròn là:

A. 62,8 cm **B.** 15,7 cm **C.** 31,4 cm **D.** 78,5 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 44 đơn vị, 2 phần mười, 9 phần trăm, 9 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 3/8 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 2 38/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 2. Cho các số thập phân: 24,145; 24,7; 24,8; 24,57; 24,274.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 710,31 + 75,8 = ……

b) 479,7 − 13,51 = ……

c) 12,3 × 5,9 = ……

d) 9,45 : 3,5 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 9 cm = …… m

b) 8 kg 32 g = …… kg

c) 8 ha = …… m²

d) 1900 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 72 m, đáy bé DC = 25 m, chiều cao 19 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

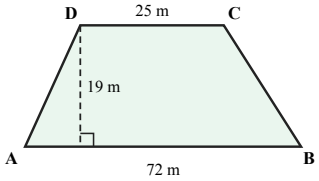

a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 7 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,4 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 42

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	B	A	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 44,299

b) 3/8 = 375/1000 = 0,375

c) 2,38

Bài 2.

Xếp từ bé đến lớn: 24,145 < 24,274 < 24,57 < 24,7 < 24,8

a) 24,145

b) 24,8

c) 24,57

d) 24,8 + 24,145 = 48,945

Bài 3.

a) 710,31 + 75,8 = 786,11

b) 479,7 − 13,51 = 466,19

c) 12,3 × 5,9 = 72,57

d) 9,45 : 3,5 = 2,7

Bài 4.

a) 3,09

b) 8,032

c) 80 000

d) 0,19

Bài 5.

Diện tích: (72 + 25) × 19 : 2 = 921,5 (m²)

Số thóc: 921,5 × 1,5 = 1382,25 (kg)

Bài 6.

Số vải: 4,4 × 7 = 30,8 (m)

Số tiền: 65 000 × 30,8 = 2 002 000 (đồng)